

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quý

Ông Nguyễn Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh Đoàn Như C, sinh năm 1989

Cùng ĐKKHTT: Phố 1, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị V, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Như C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Quảng Ph, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống ngột ngạt, căng thẳng. Anh C không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đoàn Như C.

- Về con chung: Chị và anh Đoàn Như C có 01 con chung là cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 11/6/2015; Ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Đoàn Như C và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh C đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị Nguyễn Thị V và anh Đoàn Như C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Ph, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại địa phương. Đến năm 2019 thì anh chị có mâu thuẫn nên chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay vẫn chưa quay lại. Nay chị V có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Mẹ đẻ anh Đoàn Như C cung cấp thông tin: Anh C và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Quảng Ph, thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh C tại phố 1, phường Quảng Ph. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2019 thì vợ chồng hay cãi nhau do anh C hay phải đi làm ăn xa, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Sau đó chị V đã bế con về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay chưa quay về. Bà cũng đã khuyên giải và mong muốn con cái quay về đoàn tụ nhưng không được. Việc chị V có đơn xin ly hôn thì anh C cũng đã xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh C không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V với anh Đoàn Như C. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thanh T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đoàn Như C vắng mặt tại phiên tòa, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị V đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh C là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Đoàn Như C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị V không còn tình cảm với anh C; Hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị V nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị V vẫn cương quyết xin ly hôn anh C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần để hòa giải nhưng vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh C không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V về việc xin ly hôn anh Đoàn Như C.

[3] Về con chung: Chị V và anh C có 01 con chung là cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 11/6/2015; Ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng/tháng

Tại bản tự khai, cháu Đoàn Thanh T khai: Từ khi về nhà ông bà ngoại sinh sống, cháu vẫn ở cùng mẹ. Mẹ là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Nếu bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét thấy: Anh C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo cuộc sống,

sinh hoạt, học tập cũng như nguyện vọng chính đáng của cháu Tùng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị V yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Căn cứ mức sống và thu nhập bình quân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay, anh C là người có khả năng lao động, có thu nhập. Theo mẹ đẻ anh C khai anh C đi làm và có thu nhập, nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị V là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị V, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc cháu T đủ 18 tuổi.

Giành quyền cho anh C về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị V không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Cương phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Đoàn Như C.
- Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị V và anh Đoàn Như C có 01 con chung là cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 11/6/2015. Giao T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002942 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị V đã nộp đủ án phí.

Anh Đoàn Như C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh